

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HSPT

Ngày 16 tháng 9 năm 2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hà.

*Các Thẩm phán:*

Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 105/2022/HSPT ngày 22/7/2022 do có kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Thu H, Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Hữu Q đối với bản án hình sự sơ thẩm số 34/2022/HSST ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

**1. Bị cáo:**

1.1. Phạm Thị Thu H, sinh ngày 08/10/1973; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị M; chồng: Nguyễn Đình O và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

1.2. Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 13/9/1981; nơi cư trú: thôn C, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình

O (đã chết) và bà Trần Thị Y; vợ: Trịnh Thị A và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

1.3. Nguyễn Hữu Q, sinh ngày 11/01/1989; nơi cư trú: thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị M; vợ: Vũ Thị T và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Thị Thu H là đại lý bán lẻ của Phòng xổ số kiến thiết huyện Vũ Thư từ ngày 16/12/2014. Khoảng đầu tháng 1/2021, bị cáo H gặp một người đàn ông tên H1 (H không biết họ tên đệm, địa chỉ cụ thể), người này gợi ý cho bị cáo H lợi dụng việc làm đại lý bán vé số để bán số lô, số đề cho khách và chuyển lại cho H1 để hưởng hoa hồng cao hơn. H1 thỏa thuận trả hoa hồng 10% đối với số đề và đề ba càng, 4% đối với số lô (tức là cứ 100.000 đồng số đề, ba càng bán cho khách thì bị cáo H được hưởng 10.000 đồng; cứ 1 điểm tương đương 22.500 đồng thì bị cáo H được hưởng 900 đồng). Khi có khách mua số lô, số đề bị cáo H sẽ ghi ra giấy A4, sau đó H1 đến nhận và trả phần trăm hoa hồng cho bị cáo H, thanh toán số tiền thắng thua để bị cáo trả cho khách. Hình thức chơi số đề, số lô như sau: Căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng hàng ngày, khách trúng thưởng số đề khi có 02 số trùng với 02 số cuối cùng của giải đặc biệt, tỷ lệ trả thưởng là 1x70 (cứ 1.000 đồng khi trúng thưởng sẽ được trả 70.000 đồng); khách trúng thưởng số ba càng khi có 03 số trùng với 03 số cuối cùng của giải đặc biệt, tỷ lệ trả thưởng là 1x400 (cứ 1.000 đồng khi trúng thưởng sẽ được trả 400.000 đồng); khách trúng thưởng số lô khi có 02 số trùng với 02 số cuối cùng của tất cả 27 giải thưởng, một điểm lô tương ứng với số tiền 22.500 đồng, khi trúng thưởng sẽ được trả 80.000 đồng. Ngày 14/11/2021, bị cáo H đã bán số lô, số đề cho bị cáo Nguyễn Hữu Q 01 lần; từ ngày 08/12/2021 đến ngày 12/12/2021, bị cáo H đã bán số lô, số đề cho bị cáo Nguyễn Tuấn A 04 lần để hưởng hoa hồng, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 17 giờ 05 phút ngày 14/11/2021, Nguyễn Hữu Q sử dụng tài khoản mạng xã hội Zalo “Nguyễn Q” được đăng ký bằng số điện thoại 0812110189 nhắn tin đến tài khoản mạng xã hội Zalo “Ten La Gi” được đăng ký bằng số điện thoại 0569623022 của bị cáo H để mua các số lô: số 64 là 200 điểm, số 65 là 50 điểm; các số đề: 46, 64, 00 mỗi số 100.000 đồng; các số ba càng: 300, 064, 046, 356, 465 mỗi số 100.000 đồng. Tổng tiền bị cáo Q đánh bạc với bị cáo H là 6.425.000 đồng. Căn cứ kết quả xổ số cùng ngày, bị cáo Q không trúng, bị cáo Q chưa thanh toán tiền mua số lô, số đề cho bị cáo H. Bị cáo H đã bỏ ra số tiền này để trả cho người tên H1 và được hưởng lợi 305.000 đồng tiền hoa hồng.

Lần thứ hai: Hồi 17 giờ 39 phút ngày 08/12/2021, Nguyễn Tuấn A sử dụng tài khoản mạng xã hội Zalo “A” được đăng ký bằng số điện thoại 0962242412 nhắn tin đến tài khoản mạng xã hội Zalo “Ten La Gi” của bị cáo H để mua các số lô: số 99 là 200 điểm; các số lô: 01, 17, 71, 63, 36, 55, 49, 92, 19, 75 mỗi số 50 điểm; số đề 23 là 500.000 đồng, số đề 22 là 100.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo Tuấn A ghi số lô, đề là 16.350.000 đồng. Căn cứ kết quả xổ số cùng ngày, bị cáo Tuấn A trúng thưởng số lô 99, 17, 49, 92, 19 (400 điểm) với số tiền 32.000.000 đồng. Do đó, tổng số tiền đánh bạc của bị cáo H và bị cáo Tuấn A là 48.350.000 đồng. Bị cáo H được hưởng số tiền hoa hồng là 690.000 đồng.

Lần thứ ba: Hồi 16 giờ 54 phút ngày 09/12/2021, bị cáo Tuấn A tiếp tục nhắn cho bị cáo H để mua các số lô: 61, 38, 94, 11, 66, 14, 02 mỗi số 100 điểm; các số lô: 16, 25 mỗi số 50 điểm; các số đề 31, 71, 75, 35 mỗi số 25.000 đồng; số đề 23 là 500.000 đồng; số ba càng 923 là 200.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo Tuấn A đánh bạc với bị cáo H là 23.300.000 đồng. So sánh kết quả xổ số cùng ngày thì bị cáo Tuấn A trúng thưởng số lô: 61, 94, 55, 75 được số tiền là 19.200.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của bị cáo H và bị cáo Tuấn A là 42.500.000 đồng. Bị cáo H được hưởng hoa hồng là 980.000 đồng.

Lần thứ tư: Hồi 17 giờ 17 phút ngày 11/12/2021, bị cáo Tuấn A nhắn tin cho bị cáo H để mua các số lô: 08, 44, 13, 22 mỗi số 100 điểm; các số 01, 55, 71, 63, 29, 34, 38, 66 mỗi số 50 điểm, tổng số tiền là 18.000.000 đồng. Căn cứ kết quả xổ số cùng ngày, bị cáo Tuấn A trúng thưởng số lô: 44, 01, 29, được số tiền

16.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo H và bị cáo Tuấn A đánh bạc là 34.000.000 đồng. Bị cáo H được hưởng hoa hồng số tiền 720.000 đồng.

Lần thứ năm: Hồi 17 giờ 21 phút ngày 12/12/2021, bị cáo Tuấn A tiếp tục nhắn tin cho bị cáo H để mua các số lô: 80, 49, 22, 79, 97, 77, 71, 66, 38, 90, 82, 34 mỗi số 50 điểm; số lô 08 là 200 điểm; số đề: 63, 23, 32 mỗi số là 200.000 đồng; số đề đầu 6 là 100.000 đồng; ba càng 923, 032 mỗi số là 50.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo Tuấn A ghi số lô, đề, ba càng là 18.800.000 đồng. Căn cứ kết quả xổ số cùng ngày, bị cáo Tuấn A trúng thưởng số lô: 80, 22, 97, 71 (trong đó số 22 về 2 lần nên tiền thưởng gấp đôi), được số tiền 20.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bị cáo H và bị cáo Tuấn A đánh bạc là 38.800.000 đồng. Bị cáo H được hưởng lợi số tiền 800.000 đồng.

Hồi 17 giờ 41 phút ngày 10/12/2021, bị cáo Tuấn A nhắn tin cho bị cáo H để mua các số lô: 30, 01, 14, 34, 86, 90 mỗi số 20 điểm. Số tiền bị cáo Tuấn A ghi số lô là 2.700.000 đồng. Sau khi so sánh với kết quả xổ số cùng ngày, bị cáo Tuấn A trúng thưởng số lô “30”, được số tiền 1.600.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của bị cáo H và bị cáo Tuấn A là 4.300.000 đồng, tuy nhiên, số tiền đánh bạc này của các bị cáo không đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2022/HSST ngày 16/06/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Thu H, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Hữu Q phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thu H 02 (năm) 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A 02 (năm) 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Q 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án còn quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 23/6/2022 và ngày 27/6/2022, bị cáo Nguyễn Hữu Q kháng cáo xin được hưởng án treo, các bị cáo Phạm Thị Thu H, Nguyễn Tuấn A kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình sau khi phân tích toàn bộ nội dung vụ án, xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Thu H và bị cáo Nguyễn Tuấn A, giữ nguyên quyết định về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt tù của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

- Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu Q, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên hình phạt tù và cho bị cáo Nguyễn Hữu Q được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo đã đúng người, đúng tội nên các bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, hoàn cảnh gia đình khó khăn của các bị cáo để giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Thu H, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Hữu Q làm trong thời hạn luật định nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở xác định: Ngày 14/11/2021, bị cáo H và bị cáo Q có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức mua bán số lô, số đề với số tiền 6.425.000 đồng. Bị cáo H và bị cáo Tuấn A có 04 lần đánh bạc trái phép bằng hình thức mua bán số lô, số đề, cụ thể: Ngày 08/12/2021, đánh bạc với số tiền 48.350.000 đồng; ngày 09/12/2021, đánh bạc với số tiền 42.500.000 đồng; ngày 11/12/2021, đánh bạc với số tiền 34.000.000đ; ngày 12/12/2021, đánh bạc với số tiền là 38.800.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Phạm Thị Thu H, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Hữu Q về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, gây dư luận không tốt trên địa bàn khu dân cư nơi xảy ra vụ án. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Phạm Thị Thu H là người trực tiếp bán số lô, số đề 01 lần cho bị cáo Nguyễn Hữu Q và 04 lần bán cho bị cáo Nguyễn Tuấn A với số tiền lớn để thu lợi bất chính, nên bị cáo H có vai trò thứ nhất trong vụ án; bị cáo Nguyễn Tuấn A có 04 lần tham gia đánh bạc cùng với bị cáo H, số tiền mỗi lần đánh bạc lớn nên xếp vai trò thứ hai; bị cáo Nguyễn Hữu Q tham gia đánh bạc 01 lần với bị cáo H, với số tiền không lớn nên có vai trò thấp nhất trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và xử phạt bị cáo Phạm Thị Thu H 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, bị cáo Nguyễn Tuấn A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù là hoàn toàn phù hợp nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo. Các bị cáo Phạm Thị Thu H, Nguyễn Tuấn A đều kháng cáo xin được hưởng án treo, nhưng bản thân các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần, mỗi lần đánh bạc đều đánh với số tiền lớn, do vậy, các bị cáo không đủ

điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Hữu Q thì thấy, bị cáo là người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào mà có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nên Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng đủ tác dụng cải tạo, răn đe, giáo dục bị cáo. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu Q.

[4] Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Thu H, Nguyễn Tuấn A không được chấp nhận, nên bị cáo H và Tuấn Anh phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu Q được chấp nhận, nên bị cáo Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Thu H và bị cáo Nguyễn Tuấn A. Giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm số 34/2022/HSST ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo Phạm Thị Thu H và bị cáo Nguyễn Tuấn A.

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu Q, sửa Bản án sơ thẩm số 34/2022/HSST ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình về biện pháp chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Hữu Q.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Thu H, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Hữu Q phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo

Phạm Thị Thu H 02 (năm) 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A 02 (năm) 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Q 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 16/9/2022.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu Q cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Hữu Q không phải án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Phạm Thị Thu H và Nguyễn Tuấn A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 16/9/2022.

*Nơi nhận:*

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND, VKSND, CA h. Vũ Thư;
- Các bị cáo;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thị Hà**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Bình**

**Nguyễn Thị Lan Anh**

**Đỗ Thị Hà**

